



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vị trí: Kế toán viên

(Kèm theo Thông báo số 71/TB-HĐTD ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi vòng 1		Kết quả thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Đơn vị trúng tuyển
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm tra kiến thức, năng lực chung	Ngoại ngữ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1	Trần Thanh	Tuyển	2706	Nữ	5	7	1991	THADS tỉnh Đồng Tháp						48/60	27/30	98.5		98.5	THADS tỉnh Đồng Tháp	
2	Nguyễn Thị Phương	Anh	3860	Nữ	11	6	2000	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp				37/60	20/30	94.5		94.5	THADS TP. Đà Nẵng	
3	Nguyễn Hoàng	Nhật	2742	Nam	24	4	2000	THADS TP. Cần Thơ						35/60	24/30	91		91	THADS TP. Cần Thơ	
4	Trần Thị Thu	Hiền	2712	Nữ	27	9	1984	THADS tỉnh Gia Lai						39/60	20/30	85.5	5	90.5	THADS tỉnh Gia Lai	
5	Tán Anh	Đa	2673	Nam	14	8	1998	THADS tỉnh Đắk Lắk						48/60	23/30	90		90	THADS tỉnh Đắk Lắk	
6	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	3864	Nữ	11	6	2000	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Khánh Hòa				42/60	15/30	88		88	THADS TP. Đà Nẵng	
7	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	2674	Nữ	01	03	1987	THADS tỉnh Đắk Lắk						46/60	16/30	87		87	THADS tỉnh Đắk Lắk	
8	Ngô Thị Bích	Loan	3856	Nữ	17	10	2003	THADS tỉnh Đồng Nai						47/60	25/30	86.5		86.5	THADS tỉnh Đồng Nai	
9	Hồ Đăng Hoàng	Lộc	2696	Nam	22	7	1993	THADS tỉnh Đồng Tháp						43/60	24/30	84.5		84.5	THADS tỉnh Đồng Tháp	
10	Trương Thị Thảo	Ly	2698	Nữ	12	10	1992	THADS tỉnh Đồng Tháp						48/60	16/30	84		84	THADS tỉnh Đồng Tháp	
11	Bùi Thị Lan	Uyên	2707	Nữ	17	3	1992	THADS tỉnh Đồng Tháp						40/60	15/30	83		83	THADS tỉnh Đồng Tháp	
12	Lê Ngọc	Thi	2679	Nữ	30	8	1995	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	tổng 8 nguyên vọng	49/60	25/30	82		82	THADS tỉnh Đắk Lắk	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi vòng 1		Kết quả thi nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Đơn vị trúng tuyển
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm	Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm tra kiến thức, năng lực chung	Ngoại ngữ				
13	Dương Thị Thu	Trang	3869	Nữ	10	4	1992	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				43/60	21/30	82		82	THADS TP. Đà Nẵng
14	Nguyễn Việt	Dũng	2710	Nam	11	01	1991	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					45/60	21/30	81		81	THADS tỉnh Gia Lai
15	Lâm Văn	Thương	2731	Nam	06	12	1991	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	Tổng 8 nguyện vọng	47/60	16/30	79.5		79.5	THADS tỉnh Tây Ninh
16	Lê Nguyễn Ngọc	Ánh	2719	Nữ	24	8	2002	THADS tỉnh Khánh Hòa						37/60	23/30	79.5		79.5	THADS tỉnh Khánh Hòa
17	Nguyễn Thị	Thành	2715	Nữ	20	10	1988	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				37/60	19/30	78		78	THADS tỉnh Đồng Nai
18	Nguyễn Hoài	Thương	2744	Nam	9	1	1991	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh An Giang			32/60	23/30	77		77	THADS tỉnh Đồng Tháp
19	Hà Thị Việt	Anh	3859	Nữ	5	4	2000	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Cần Thơ	Có 06 nguyện vọng	38/60	23/30	75		75	THADS tỉnh Tây Ninh
20	Trần Thanh	Phuong	2728	Nam	8	11	1992	THADS tỉnh Tây Ninh						36/60	18/30	72.5		72.5	THADS tỉnh Tây Ninh
21	Lê Mỹ	Tiến	2733	Nữ	23	9	2002	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	15/30	71		71	THADS tỉnh Tây Ninh
22	Trần Thị Minh	Loan	2725	Nữ	28	10	1991	THADS tỉnh Tây Ninh						43/60	19/30	69.5		69.5	THADS tỉnh Tây Ninh